

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC VỀ HOẠT  
ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN HỌC KỲ II  
NĂM HỌC 2021-2022**

**Kính gửi: - Hiệu trưởng  
- Trưởng các Khoa, Trung tâm**

Căn cứ Quyết định số 7324/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên;

Căn cứ Quyết định số 413/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

Thực hiện Kế hoạch số 04 /KH-ĐBCL&TT ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc lấy ý kiến khảo sát từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên các khóa đại học chính quy, các khóa đào tạo trình độ Thạc sỹ và Công tác phục vụ đào tạo năm học 2021-2022.

Phòng ĐBCL&TT đã triển khai lấy ý kiến khảo sát Học viên cao học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2021 – 2022.

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Đối tượng khảo sát:**

- Giảng viên giảng dạy các học phần /môn học
- Học viên khóa 8 ( tổng số 62 học viên)

**2. Thời gian khảo sát:** Học kỳ II năm học 2021-2022. Từ ngày 28/03/2022 đến ngày 2/05/2022.

**3. Hình thức khảo sát:** Phiếu giấy

**4. Nội dung khảo sát: (Phụ lục 1)**

- Bộ câu hỏi khảo sát được đánh giá với các nội dung chính như sau:

- a, Nội dung chương trình đào tạo
- b, Đánh giá chất lượng giảng dạy

c, Hoạt động phục vụ dạy và học

Kết quả đánh giá của người học thể hiện ở 5 mức độ: **5 -Rất tốt, 4 -Tốt, 3-Khá, 2 -Yếu, 1 -Kém.**

Kết quả Trung bình chung được chia thành 5 cấp độ theo các khoảng điểm như sau:

Khoảng điểm	Từ 4,21 đến ≤ 5	Từ 3,41 đến ≤ 4,20	Từ 2,61 đến ≤ 3,40	Từ 1,81 đến ≤ 2,60	Từ 1,0 đến ≤ 1,80
Phân loại	Rất tốt	Tốt	Khá	Yếu	Kém

### 5. Phương pháp thực hiện

- Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra lấy ý kiến người học phát phiếu trực tiếp tới học viên phổ biến hướng dẫn làm và thu phiếu khảo sát theo ngày thi/ca thi/phòng thi, ngay khi kết thúc học phần môn học, niêm phong lập biên bản tại nơi phát phiếu.

- Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra lấy ý kiến người học kiểm phiếu. Nhập dữ liệu vào phần mềm trích, lưu trữ và xử lý kết quả bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.

- Tỷ lệ đánh giá hài lòng là tổng ý kiến “Rất tốt” và “Tốt”/Tổng số ý kiến; tỷ lệ đánh giá bình thường là tổng số ý kiến “Khá” và “Yếu”/Tổng số ý kiến; Tỷ lệ đánh giá không hài lòng là tổng số ý kiến “Kém”/Tổng số ý kiến.

- Viết báo cáo kết quả sau khi nhập và xử lý dữ liệu.

## II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT,

Kết quả lấy ý kiến khảo sát học viên sau đại học về hoạt động giảng dạy của giảng viên của 2 môn học ( Chuyên ngành HP3 và Kinh tế học TDDT) cùng với 102 học viên tham gia trả lời.

- Số phiếu hợp lệ: 102 phiếu

- Số phiếu không hợp lệ: không có

**Bảng 1. KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỌC VIÊN CAO HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022**

STT	Môn học	Số GV lấy ý kiến khảo sát	Số lượt học viên tham gia học tập	Số lượt sinh viên tham gia trả lời khảo sát	Tỷ lệ %
1	Chuyên ngành HP3	1	60	50	83,3%
2	Kinh tế học TDDT	1	60	52	86,6%
<b>Tổng cộng</b>	<b>02</b>	<b>02</b>	<b>120</b>	<b>102</b>	<b>85,0%</b>

Qua kết quả ở bảng 1 cho thấy học kỳ II năm học 2021- 2022 nhà trường đã



triển khai lấy ý kiến khảo sát học viên cao học về hoạt động giảng dạy của giảng viên với 3 nội dung chính, 17 tiêu chí cùng với 2 môn học với 2 giảng viên và 102 lượt học viên tham gia đánh giá khảo sát.

Nội dung khảo sát thông qua các câu hỏi sau: *Chương trình đào tạo (CTĐT) có khối lượng hợp lý so với thời lượng quy định; Nội dung của chương trình phù hợp với mục tiêu của chuyên ngành đào tạo; Các môn học trong chương trình được sắp xếp hợp lý và bổ trợ lẫn nhau; Các lớp có số lượng hợp lý, các buổi học được bố trí thuận lợi; Đề thi kiểm tra được cả kiến thức và kỹ năng, có tính phân tích tổng hợp khái quát cao, liên hệ với thực tiễn; Việc thực hiện kiểm tra – đánh giá đúng theo quy định, công bằng và phản ánh đúng năng lực của học viên, Giảng viên có tác phong và cách ứng xử chuẩn mực; Giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy; Giảng viên hướng dẫn học viên làm luận văn/ luận án một cách nhiệt tình và có hiệu quả; Giảng viên sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với mục tiêu và nội dung từng môn học; Giảng viên có kiến thức sâu rộng và thường xuyên cập nhật các tin tức thời sự áp dụng trong giờ học; Giảng viên chuẩn bị bài giảng công phu và chất lượng; Điều kiện phòng học (diện tích, ánh sáng...) đáp ứng tốt việc học tập của học viên; Phòng học có đủ phương tiện hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy; Thư viện nhà trường có đầy đủ tài liệu học tập và nghiên cứu khoa học cho học viên; Bạn có hài lòng về chất lượng Đào tạo sau đại học của nhà trường.*

## **2.2 Đánh giá theo từng giảng viên**

### **2.2.1. Chuyên ngành học phần 3**

#### **1. Giảng viên chính, TS Hương Xuân Nguyễn**

Sau khi khảo sát đã thu được kết quả của học viên cao học điểm đánh giá từng tiêu chí đạt mức cao nhất là 4,70 điểm số điểm thấp nhất là 4,26 điểm. Điểm trung bình chung của 17/17 tiêu chí là 4,50 điểm đạt mức Rất tốt. (kết quả đánh giá ở phụ lục 3.1)

### **2.2.2. Kinh tế học TDTT**

#### **1. Giảng viên chính, TS Nguyễn Mạnh Toàn**

Qua kết quả tổng hợp kết quả khảo sát đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Điểm đánh giá cao nhất là 4,48 điểm và thấp nhất là 4,08 điểm. Số

điểm trung bình chung là 4,35 điểm đạt mức Rất tốt. (kết quả đánh giá ở phụ lục 3.2

### **2.3. Đánh giá theo từng nội dung.**

1. Tiêu chí Chương trình đào tạo (CTĐT) có khối lượng hợp lý so với thời lượng quy định, được đánh giá chiếm tỷ lệ 61,76% ở mức “Rất tốt” và 2,94% ở mức “Yếu”. Chương trình đào tạo giúp cho học viên có đầy đủ kiến thức chuyên môn sâu rộng và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp ở trình độ cao trong lĩnh vực GDTC, TDTT có năng lực làm việc độc lập, tư duy, sáng tạo khả năng phân tích giải quyết các vấn đề nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực GDTC và các vấn đề khoa học khác có liên quan.

2. Tiêu chí Nội dung của chương trình phù hợp với mục tiêu của chuyên ngành đào tạo, được học viên đánh giá chiếm tỷ lệ 50,00% ở mức “Rất tốt” còn ở mức “Khá” là 0,98%. Nội dung môn học phù hợp với chương trình đào tạo được nhất trí cao từ các giảng viên giảng dạy đã không ngừng đổi mới từ phương pháp dạy học đến cách tiếp cận học viên sao cho những kiến thức, kỹ năng của các môn học được truyền đạt đến mức tối đa đến học viên theo từng nội dung về chuyên ngành theo hướng chuyên sâu để phát triển và áp dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực nghề nghiệp của người học, tự học tự nghiên cứu.

3. Tiêu chí Các môn học trong chương trình được sắp xếp hợp lý và bổ trợ lẫn nhau, đã được học viên đánh giá 55,88% ở mức “Rất tốt” và 0,98% ở mức “Khá”. Các môn học được sắp xếp hợp lý, khoa học sẽ giúp cho học viên chủ động được thời gian đến lớp biết được học môn nào vào thời gian nào, sẽ giúp các môn học có tính logic tương trợ lẫn nhau.

4. Tiêu chí Các lớp có số lượng hợp lý, các buổi học được bố trí thuận lợi, được các học viên đánh giá ở mức “Rất tốt” đạt 50,00% và 0,98% ở mức “Khá” Lớp học có sĩ số hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho học viên có thời gian trao đổi bài tập, tạo không khí thoải mái cho giảng viên giảng bài trên lớp để buổi học được diễn ra sôi nổi mang lại tiết học vui vẻ đạt hiệu quả.

5. Tiêu chí Đề thi kiểm tra được cả kiến thức và kỹ năng có tính phân tích tổng hợp khái quát cao, liên hệ với thực tiễn. Tỷ lệ “Rất tốt” ở mức 54,90% và “Tốt” đạt 45,10%. Đề thi kiểm tra chất lượng trong quá trình học bao gồm cả kiến thức và kỹ năng, năng khiếu, thể chất có tính phân tích tổng hợp trong nhiều chủ đề khác nhau, mang tính logic thực tiễn, phân tích là khâu then chốt cuối cùng trong quá trình dạy và học. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất



lượng kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên.

6. *Tiêu chí Việc thực hiện kiểm tra – đánh giá đúng theo quy định, công bằng và phản ánh đúng năng lực của học viên*, được các học viên đánh giá 54,90% ở mức “Rất tốt” và 0,98% ở mức “Yếu”. Việc thực hiện kiểm tra đánh giá người học được thực hiện theo quy định hiện hành, đánh giá đúng chất lượng học tập của người học, linh hoạt trong việc tổ chức thi kiểm tra đánh giá đúng năng lực của người học là khâu quan trọng trong quá trình dạy và học là phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp góp phần đo lường được chuẩn đầu ra của học phần.

7. *Tiêu chí Giảng viên có tác phong và cách ứng xử chuẩn mực*, đạt tỷ lệ 52,94% đạt mức “Rất tốt” và 47,06% ở mức “Rất tốt”. Có phẩm chất đạo đức trong sáng có lối sống và cách ứng xử chuẩn mực được đồng nghiệp và người học yêu mến, kính trọng, tâm huyết với nghề giữ gìn phẩm chất danh dự nhà giáo, có lối sống lành mạnh, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, có kiến thức kỹ năng nghề nghiệp vững vàng.

8. *Tiêu chí Giảng viên đảm bảo giờ nên lớp và kế hoạch giảng dạy* được học viên đánh giá đạt tỷ lệ 52,94% ở mức “Rất tốt” và mức 47,06% “Rất tốt” Đối với nội dung trên giảng viên đã chủ động đề sắp xếp giờ lên lớp đúng giờ và đúng kế hoạch giảng dạy không bị ảnh hưởng đến thời gian học của học viên.

9. *Tiêu chí Giảng viên hướng dẫn học viên làm luận văn/luận án một cách nhiệt tình và có hiệu quả*. Được học viên đánh giá ở mức “Rất tốt” là 54,90% và mức 45,10% ở mức “Yếu” Là giảng viên có nhiều năm kinh nghiệm, có trình độ nhiệt tình có trách nhiệm hướng dẫn học viên lựa chọn đúng đề tài phù hợp với nội dung luận văn, giúp cho học viên chỉnh sửa lỗi chưa đúng, chưa phù hợp với đề tài.

10. *Tiêu chí Giảng viên sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với mục tiêu và nội dung từng môn học*. Điều này thể hiện qua việc đạt tỷ lệ 50,00% đạt mức “Rất tốt” và “Khá” là 1,96%. Giảng viên sử dụng nhiều hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau sẽ nắm bắt được quá trình dạy và học của học viên để điều chỉnh sao cho phù hợp với nội dung từng môn học chương trình đào tạo.

11. *Đối với tiêu chí Giảng viên có kiến thức sâu rộng và thường xuyên cập nhật các tin tức thời sự áp dụng trong giờ học*, được học viên đánh giá “Rất tốt” đạt 53,92%, còn mức “Yếu” là 0,98%. Giảng viên cập nhật kiến thức sâu rộng vào

bài giảng thêm sinh động, phong phú thường xuyên nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu để kịp thời bổ sung những kiến thức mới nhất vào bài giảng thêm mới mẻ.

12. *Tiêu chí Giảng viên chuẩn bị bài giảng công phu và chất lượng*, được thể hiện qua việc đạt tỷ lệ 50,98% ở mức “Rất tốt” và 0,98% ở mức “Yếu”. Để chuẩn bị bài giảng trước khi lên lớp giảng viên luôn tìm đòi học hỏi những kiến thức mới vận dụng vào bài học, để giờ học tạo không khí thoải mái mang lại chất lượng có hiệu quả.

13. *Đối với tiêu chí Điều kiện phòng học (diện tích, ánh sáng...) đáp ứng tốt việc học tập của học viên*. Được học viên đánh giá 41,18% ở mức “Rất tốt” và 0,98% ở mức “Yếu”. Điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị, thiết yếu phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, phòng học đáp ứng đầy đủ về trang thiết bị diện tích, ánh sáng, đèn, quạt, loa mix, máy tính, bàn ghế ... phục vụ cho công tác giảng dạy.

14. *Tiêu chí Mạng Wifi của trường đáp ứng hiệu quả cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên*, được đánh giá 34,31% ở mức “Rất tốt” còn lại mức “Khá” là 16,67%. Nhu cầu lắp mạng Wifi cho các trường học thật sự là cần thiết để phát triển và đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu các bài giảng được thiết kế sinh động, phong phú mang lại những tiết học bổ ích.

15. *Tiêu chí Phòng học có đủ phương tiện hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy*. Được thể hiện qua 36,27% đạt mức “Rất tốt” và mức “Khá” đạt 15,69%. Phòng học được bố trí đầy đủ các phương tiện cần thiết đáp ứng nhu cầu vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành phải đảm bảo các quy định chung. Phương tiện dạy học hiện đại phù hợp sẽ hỗ trợ tốt cho việc truyền tải và tiếp thu kiến thức đảm bảo cho quá trình dạy học.

16. *Tiêu chí Thư viện nhà trường có đầy đủ tài liệu học tập và nghiên cứu khoa học cho học viên*. Được học viên đánh giá 46,08% đạt mức “Rất tốt” và mức “Khá” là 11,76%. Thư viện nhà trường là nơi đáp ứng nhu cầu tham khảo, tìm kiếm các đầu sách phục vụ nhu cầu học tập, mở rộng củng cố kiến thức cho đội ngũ cán bộ giảng viên, sinh viên, học viên liên quan đến việc tự học và tự nghiên cứu. Thư viện là không gian học tập chung là nơi giúp cho học viên bổ sung và cập nhật kiến thức là nơi các hoạt động kết nối làm việc nhóm nơi diễn ra các hoạt động sáng tạo nhằm phát triển và xây dựng năng lực giao tiếp, ngôn ngữ sáng tạo



cho người học. Bên cạnh đó nhà trường cũng nên tìm các giải pháp để tăng tiện ích như bổ sung thêm giáo trình, sách chuyên sâu, đầu tư thêm cơ sở vật chất khang trang, sạch sẽ đáp ứng nhu cầu người học.

17. *Tiêu chí Bạn có hài lòng về chất lượng đào tạo sau đại học của nhà trường.* Được các học viên đánh giá 46,08% đạt mức “Rất tốt” còn mức “Khá” đạt 11,76%. Chất lượng đào tạo luôn là vấn đề quan trọng đặc biệt được các trường đại học quan tâm, đó là sự tồn tại và thành công của mỗi trường còn phụ thuộc vào chất lượng dịch vụ và sự nỗ lực, phát triển trong việc nâng cao chất lượng khẳng định vị thế. Nhìn vào kết quả tuyển sinh hàng năm của nhà trường cho thấy chất lượng tuyển sinh đầu vào và đầu ra của học viên đều đạt chất lượng tốt đã đáp ứng được sự hài lòng của người học.

### **III. Nhận xét chung**

#### **1. Nhận xét:**

##### **\* Ưu điểm:**

- Công tác lấy ý kiến khảo sát học viên viên cao học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2021-2022 đã đạt kết quả tốt với 3 nội dung chính và 17 tiêu chí được xây dựng trong phiếu khảo sát đã phản ánh đầy đủ các hoạt động chung của nhà trường.

- Phương pháp thu thập, phân tích ý kiến của học viên đảm bảo trung thực, khách quan. Do vậy kết quả lấy ý kiến người học về giảng viên có độ tin cậy cao.

- Những thông tin do người học cung cấp sẽ góp phần rất lớn vào việc đánh giá thực trạng giảng dạy của giảng viên các ngành, các khoa, cũng như tính phù hợp của các học phần trong chương trình đào tạo các ngành.

- Nhà trường có thêm những căn cứ khoa học để điều chỉnh chương trình đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất, cập nhật kiến thức nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu người học và thực tế.

- Được sự phối hợp chặt chẽ của các thầy cô giảng viên, học viên và khoa đào tạo sau đại học. Phòng ĐBCL&TT đã triển khai lấy phiếu khảo sát một cách khách quan, trung thực, nhanh chóng.

##### **\* Tồn tại:**

- Nhà trường cần xây dựng phần mềm khảo sát và chuẩn bị hệ thống thông tin ổn định để việc lấy ý kiến học viên được thuận lợi khách quan hơn.

- Các đơn vị trong trường căn cứ kết quả khảo sát để có kế hoạch rà soát, cải tiến, chỉnh sửa cho phù hợp với nội dung chương trình đào tạo.

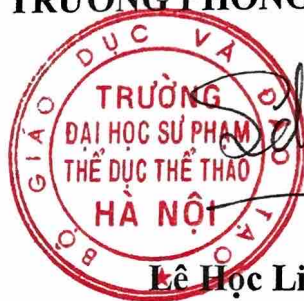
- Điều chỉnh phong cách thái độ phục vụ của viên chức một số đơn vị nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong xu thế hội nhập.

- Các đơn vị cá nhân và liên quan trong trường căn cứ vào kết quả khảo sát cần nghiêm túc nhìn nhận triển khai kế hoạch rà soát, cải tiến chất lượng (nếu có) của đơn vị gửi về Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra sau khi nhận được báo cáo kết quả khảo sát, để phòng tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng đồng thời cung cấp minh chứng, cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác kiểm định và bảo đảm chất lượng của nhà trường.

**Nơi nhận:**

- BGH (để b/c);
- Các Khoa, TT, đơn vị liên quan (để biết);
- Đăng Website của Trường;
- Lưu VT, ĐBCL&TT;

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG PHÒNG ĐBCL&TT** *kt*

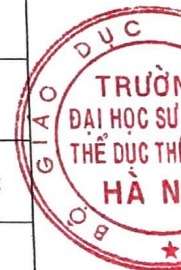


**Lê Học Liêm**



**Phụ lục 2. KẾT QUẢ TỶ LỆ VÀ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KHẢO SÁT HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021- 2022**

STT	Nội dung phản hồi	Số phiếu + Tỷ lệ %	Mức độ đánh giá					Cấp độ đánh giá	
			Rất tốt	Tốt	Khá	Yếu	Kém	ĐIỂM TB	Xếp loại
1	Chương trình đào tạo (CTĐT) có khối lượng hợp lý so với thời lượng quy định	Số phiếu	63	36	3	0	0	4.59	Rất tốt
		Tỷ lệ %	61,76	35,29	2,94	0,00	0,00		
2	Nội dung của chương trình phù hợp với mục tiêu của chuyên ngành đào tạo	Số phiếu	51	50	1	0	0	4.49	Tốt
		Tỷ lệ %	50,00	49,02	0,98	0,00	0,00		
3	Các môn học trong chương trình được sắp xếp hợp lý và bổ trợ lẫn nhau	Số phiếu	57	44	1	0	0	4.55	Rất tốt
		Tỷ lệ %	55,88	43,14	0,98	0,00	0,00		
4	Các lớp có số lượng hợp lý, các buổi học được bố trí thuận lợi	Số phiếu	51	50	1	0	0	4.54	Rất tốt
		Tỷ lệ %	50,00	49,02	0,98	0,00	0,00		
5	Đề thi kiểm tra được cả kiến thức và kỹ năng, có tính phân tích tổng hợp khái quát cao, liên hệ với thực tiễn	Số phiếu	56	46	0	0	0	4.53	Rất tốt
		Tỷ lệ %	54,90	45,10	0,00	0,00	0,00		
6	Việc thực hiện kiểm tra – đánh giá đúng theo quy định, công bằng và phản ánh đúng năng lực của học viên	Số phiếu	56	45	1	0	0	4.53	Tốt
		Tỷ lệ %	54,90	44,12	0,98	0,00	0,00		
7	Giảng viên có tác phong và cách ứng xử chuẩn mực	Số phiếu	54	48	0	0	0	4.55	Rất tốt
		Tỷ lệ %	52,94	47,06	0,00	0,00	0,00		
8	Giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	Số phiếu	54	48	0	0	0	4.48	Rất tốt
		Tỷ lệ %	52,94	47,06	0,00	0,00	0,00		
9	Giảng viên hướng dẫn học viên làm luận văn/luận án một cách nhiệt tình và có hiệu quả	Số phiếu	56	46	0	0	0	4.52	Tốt
		Tỷ lệ %	54,90	45,10	0,00	0,00	0,00		
10	Giảng viên sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với mục tiêu và nội dung từng môn học	Số phiếu	51	49	2	0	0	4.48	Rất tốt
		Tỷ lệ %	50,00	48,04	1,96	0,00	0,00		
11	Giảng viên có kiến thức sâu rộng và thường xuyên cập nhật	Số phiếu	55	46	0	1	0	4.23	Tốt



*th*

	các tin tức thời sự áp dụng trong giờ học	Tỷ lệ %	53,92	45,10	0,00	0,98	0,00		
12	Giảng viên chuẩn bị bài giảng công phu và chất lượng	Số phiếu	52	48	1	1	0	4.18	Tốt
		Tỷ lệ %	50,98	47,06	0,98	0,98	0,00		
13	Điều kiện phòng học (diện tích, ánh sáng...) đáp ứng tốt việc học tập của học viên	Số phiếu	42	42	17	1	0	4.21	Tốt
		Tỷ lệ %	41,18	41,18	16,67	0,98	0,00		
14	Mạng Wifi của trường đáp ứng hiệu quả cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên	Số phiếu	35	50	17	0	0	4.29	Rất tốt
		Tỷ lệ %	34,31	49,02	16,67	0,00	0,00		
15	Phòng học có đủ phương tiện hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy	Số phiếu	37	49	16	0	0	4.34	Rất tốt
		Tỷ lệ %	36,27	48,04	15,69	0,00	0,00		
16	Thư viện nhà trường có đầy đủ tài liệu học tập và nghiên cứu khoa học cho học viên	Số phiếu	41	50	11	0	0	4.46	Rất tốt
		Tỷ lệ %	40,20	49,02	10,78	0,00	0,00		
17	Bạn có hài lòng về chất lượng đào tạo sau đại học của nhà trường	Số phiếu	47	43	12	0	0	4.61	Rất tốt
		Tỷ lệ %	46,08	42,16	11,76	0,00	0,00		

6/12



**Phụ lục 3.1 KẾT QUẢ TỶ LỆ VÀ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KHẢO SÁT HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG  
GIẢNG DẠY CỦA GIÁNG VIÊN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021- 2022**

Môn: Chuyên ngành HP3

STT	Nội dung phản hồi	Số phiếu + Tỷ lệ %	Mức độ đánh giá				Cấp độ đánh giá		
			Rất tốt	Tốt	Khá	Yếu	Kém	ĐIỂM TB	Xếp loại
1	Chương trình đào tạo (CTĐT) có khối lượng hợp lý so với thời lượng quy định	Số phiếu	33	7	3	0	0	4.70	Rất tốt
		Tỷ lệ %	76,74	16,28	6,98	0,00	0,00		
2	Nội dung của chương trình phù hợp với mục tiêu của chuyên ngành đào tạo	Số phiếu	21	21	1	0	0	4.47	Rất tốt
		Tỷ lệ %	48,84	48,84	2,33	0,00	0,00		
3	Các môn học trong chương trình được sắp xếp hợp lý và bổ trợ lẫn nhau	Số phiếu	27	15	1	0	0	4.60	Rất tốt
		Tỷ lệ %	62,79	34,88	2,33	0,00	0,00		
4	Các lớp có số lượng hợp lý, các buổi học được bố trí thuận lợi	Số phiếu	24	18	1	0	0	4.53	Rất tốt
		Tỷ lệ %	55,81	41,86	2,33	0,00	0,00		
5	Đề thi kiểm tra được cả kiến thức và kỹ năng, có tính phân tích tổng hợp khái quát cao, liên hệ với thực tiễn	Số phiếu	27	16	0	0	0	4.63	Rất tốt
		Tỷ lệ %	62,79	37,21	0,00	0,00	0,00		
6	Việc thực hiện kiểm tra – đánh giá đúng theo quy định, công bằng và phản ánh đúng năng lực của học viên	Số phiếu	28	14	0	0	0	4.63	Rất tốt
		Tỷ lệ %	65,12	32,56	0,00	0,00	0,00		
7	Giảng viên có tác phong và cách ứng xử chuẩn mực	Số phiếu	24	19	0	0	0	4.56	Rất tốt
		Tỷ lệ %	55,81	44,19	0,00	0,00	0,00		
8	Giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	Số phiếu	22	21	0	0	0	4.51	Rất tốt
		Tỷ lệ %	51,16	48,84	0,00	0,00	0,00		
9	Giảng viên hướng dẫn học viên làm luận văn/luận án một cách nhiệt tình và có hiệu quả	Số phiếu	26	17	0	0	0	4.60	Rất tốt
		Tỷ lệ %	60,47	39,53	0,00	0,00	0,00		
10	Giảng viên sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với mục tiêu và nội dung từng môn học	Số phiếu	25	16	2	0	0	4.53	Rất tốt
		Tỷ lệ %	58,14	37,21	4,65	0,00	0,00		
11	Giảng viên có kiến thức sâu rộng và thường xuyên cập nhật	Số phiếu	28	14	0	1	0	4.60	Rất tốt



/s/

các tin tức thời sự áp dụng trong giờ học		Tỷ lệ %							
12	Giảng viên chuẩn bị bài giảng công phu và chất lượng	Số phiếu	65,12	32,56	0,00	2,33	0,00	4.47	Rất tốt
		Tỷ lệ %	22	20	0	1	0		
13	Điều kiện phòng học (diện tích, ánh sáng...) đáp ứng tốt việc học tập của học viên	Số phiếu	51,16	46,51	0,00	2,33	0,00	4.42	Rất tốt
		Tỷ lệ %	28	5	10	0	0		
14	Mạng Wifi của trường đáp ứng hiệu quả cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên	Số phiếu	65,12	11,63	23,26	0,00	0,00	4.26	Rất tốt
		Tỷ lệ %	21	12	10	0	0		
15	Phòng học có đủ phương tiện hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy	Số phiếu	48,84	27,91	23,26	0,00	0,00	4.35	Rất tốt
		Tỷ lệ %	24	10	9	0	0		
16	Thư viện nhà trường có đầy đủ tài liệu học tập và nghiên cứu khoa học cho học viên	Số phiếu	55,81	23,26	20,93	0,00	0,00	4.42	Rất tốt
		Tỷ lệ %	22	17	4	0	0		
17	Bạn có hài lòng về chất lượng đào tạo sau đại học của nhà trường	Số phiếu	51,16	39,53	9,30	0,00	0,00	4.37	Rất tốt
		Tỷ lệ %	21	17	5	0	0		
			48,84	39,53	11,63	0,00	0,00		



h



**Phụ lục 3.2 KẾT QUẢ TỶ LỆ VÀ ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KHẢO SÁT HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG  
GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021- 2022**

**Môn: Kinh tế học TĐTT**

STT	Nội dung phản hồi	Số phiếu + Tỷ lệ %	Mức độ đánh giá					Cấp độ đánh giá	
			Rất tốt	Tốt	Khá	Yếu	Kém	ĐIỂM TB	Xếp loại
1	Chương trình đào tạo (CTĐT) có khối lượng hợp lý so với thời lượng quy định	Số phiếu	24	28	0	0	0	4.46	Rất tốt
		Tỷ lệ %	46,15	53,85	0,00	0,00	0,00		
2	Nội dung của chương trình phù hợp với mục tiêu của chuyên ngành đào tạo	Số phiếu	23	29	0	0	0	4.44	Tốt
		Tỷ lệ %	44,23	55,77	0,00	0,00	0,00		
3	Các môn học trong chương trình được sắp xếp hợp lý và bổ trợ lẫn nhau	Số phiếu	23	29	0	0	0	4.44	Rất tốt
		Tỷ lệ %	44,23	55,77	0,00	0,00	0,00		
4	Các lớp có số lượng hợp lý, các buổi học được bố trí thuận lợi	Số phiếu	21	31	0	0	0	4.40	Rất tốt
		Tỷ lệ %	40,38	59,62	0,00	0,00	0,00		
5	Đề thi kiểm tra được cả kiến thức và kỹ năng, có tính phân tích tổng hợp khái quát cao, liên hệ với thực tiễn	Số phiếu	22	30	0	0	0	4.42	Rất tốt
		Tỷ lệ %	42,31	57,69	0,00	0,00	0,00		
6	Việc thực hiện kiểm tra – đánh giá đúng theo quy định, công bằng và phản ánh đúng năng lực của học viên	Số phiếu	22	30	0	0	0	4.42	Tốt
		Tỷ lệ %	42,31	57,69	0,00	0,00	0,00		
7	Giảng viên có tác phong và cách ứng xử chuẩn mực	Số phiếu	23	29	0	0	0	4.44	Rất tốt
		Tỷ lệ %	44,23	55,77	0,00	0,00	0,00		
8	Giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	Số phiếu	25	27	0	0	0	4.48	Rất tốt
		Tỷ lệ %	48,08	51,92	0,00	0,00	0,00		
9	Giảng viên hướng dẫn học viên làm luận văn/luận án một cách nhiệt tình và có hiệu quả	Số phiếu	23	29	0	0	0	4.44	Tốt
		Tỷ lệ %	44,23	55,77	0,00	0,00	0,00		
10	Giảng viên sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với mục tiêu và nội dung từng môn học	Số phiếu	19	33	0	0	0	4.37	Rất tốt
		Tỷ lệ %	36,54	63,46	0,00	0,00	0,00		



lt

11	Giảng viên có kiến thức sâu rộng và thường xuyên cập nhật các tin tức thời sự áp dụng trong giờ học	Số phiếu	20	32	0	0	0	4.38	Tốt
		Tỷ lệ %	38,46	61,54	0,00	0,00	0,00.		
12	Giảng viên chuẩn bị bài giảng công phu và chất lượng	Số phiếu	23	28	0	0	0	4.42	Tốt
		Tỷ lệ %	44,23	53,85	0,00	0,00	0,00		
13	Điều kiện phòng học (diện tích, ánh sáng...) đáp ứng tốt việc học tập của học viên	Số phiếu	13	31	7	1	0	4.08	Tốt
		Tỷ lệ %	25,00	59,62	13,46	1,92	0,00		
14	Mạng Wifi của trường đáp ứng hiệu quả cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên	Số phiếu	13	32	7	0	0	4.12	Tốt
		Tỷ lệ %	25,00	61,54	13,46	0,00	0,00		
15	Phòng học có đủ phương tiện hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy	Số phiếu	12	33	7	0	0	4.10	Tốt
		Tỷ lệ %	23,08	63,46	13,46	0,00	0,00		
16	Thư viện nhà trường có đầy đủ tài liệu học tập và nghiên cứu khoa học cho học viên	Số phiếu	18	27	0	0	0	4.21	Rất tốt
		Tỷ lệ %	34,62	51,92	0,00	0,00	0,00		
17	Bạn có hài lòng về chất lượng đào tạo sau đại học của nhà trường	Số phiếu	25	20	7	0	0	4.35	Rất tốt
		Tỷ lệ %	48,08	38,46	13,46	0,00	0,00		



Handwritten mark or signature.





PHỤ LỤC 4.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA  
GIẢNG VIÊN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022**

*(kèm theo báo cáo số 08/BC-ĐBCL&TT ngày 20 tháng 06 năm 2022)*

**Môn: Kinh tế học TDTT**

STT	Họ và tên GV	Môn học	Khóa	Số lượt HV đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	ĐTB	Xếp loại
1	Nguyễn Mạnh Toàn	Kinh tế học TDTT	K8	52	446	4.44	4.44	4.40	4.42	4.42	4.44	4.48	4.44	4.37	4.38	4.42	4.08	4.12	4.10	4.21	4.35	4.35	Rất tốt



PHỤ LỤC 4.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA  
GIẢNG VIÊN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021 - 2022**

*(kèm theo báo cáo số 08/BC-ĐBCL&TT ngày 2 tháng 0 năm 2022)*

**Môn: Chuyên ngành HP3**

STT	Họ và tên GV	Môn học	Khóa	Số lượt HV đánh giá	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	ĐTB	Xếp loại
1	Hương Xuân nguyên	Chuyên ngành HP3	K8	50	4.70	4.47	4.60	4.53	4.63	4.63	4.56	4.51	4.60	4.53	4.60	4.47	4.42	4.26	4.35	4.42	4.37	4.50	Rất tốt